TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2026/QĐST- DS	*Quảng Trị, ngày 11 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2026;

Xét thấy các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 175/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Minh T, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố 6 Lộc Đ, phường Đồng T, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: 1. Ông Cao Thanh L, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 7 Lý T, xã Nam T, tỉnh Quảng Trị (Ông L hiện đã mất).

2. Bà Cao Thị Kim Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn 7 Lý T, xã Nam T, tỉnh Quảng Trị.

3. Ông Cao Thành L, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 7 Lý T, xã Nam T, tỉnh Quảng Trị.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Cao Thanh L:

1. Bà Cao Thị Kim Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn 7 Lý T, xã Nam T, tỉnh Quảng Trị.

2. Ông Cao Thành L, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 7 Lý T, xã Nam T, tỉnh Quảng Trị.

3. Bà Cao Thị Thu H, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn Thịnh K, xã Đức M, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn ông Hoàng Minh T tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông T không yêu cầu gia đình bà Cao Thị Kim Đ chuyển nhượng mảnh đất diện tích 1500 m^2 tại thửa đất số: 417, tờ bản đồ số: 21, địa chỉ: Xã Lý T, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Nam T, tỉnh Quảng Trị) cho ông Hoàng Minh T theo hợp đồng mà ông T thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Cao Thành L và bà Cao Thị Kim Đ và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L phải trả cho ông T số tiền gốc mà ông L đã nhận 20.000.000 đồng và 350.000.000 đồng tiền bồi thường, căn cứ theo Giấy chuyển nhượng đất ngày 18/3/2004 giữa ông Cao Thanh L và ông Hoàng Minh T. Bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Cao Thị Kim Đ, anh Cao T L và chị Cao Thị Thu H đều nhất trí với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận nội dung như sau:

+ Căn cứ theo Giấy chuyển nhượng đất ngày 18/3/2004 giữa ông Cao Thanh L và ông Hoàng Minh T thì các bên thống nhất số tiền nợ gốc và tiền bồi thường cụ thể: Bị đơn anh Cao Thành L và bà Cao Thị Kim Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Cao Thanh L là bà Cao Thị Kim Đ, anh Cao Thành L và chị Cao Thị Thu H nhất trí chuyển trả lại cho nguyên đơn ông T số tiền mà ông L đã nhận 20.000.000 đồng và 350.000.000 đồng tiền bồi thường.

+ Thời hạn trả số tiền nợ gốc và tiền bồi thường: Chậm nhất đến hết **ngày 03/4/2026** thì bị đơn anh Cao Thành L và bà Cao Thị Kim Đ và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Cao Thanh L là bà Cao Thị Kim Đ, anh Cao Thành L và chị Cao Thị Thu H sẽ hoàn trả đầy đủ tổng số tiền **370.000.000 đồng**, trong đó gồm: Tiền gốc: 20.000.000 đồng và 350.000.000 đồng tiền bồi thường cho ông Hoàng Minh T.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 3, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận nguyên đơn ông Hoàng Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Cao Thị Kim Đ, anh Cao Thành L và

chị Cao Thị Thu H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch hòa giải thành trong vụ án với số tiền 9.250.000 đồng; theo đó bà Cao Thị Kim Đ, anh Cao Thành L và chị Cao Thị Thu H mỗi người phải chịu **3.083.333 đồng** án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch hòa giải thành để sung quỹ nhà nước. Nhưng bà Đ thuộc đối tượng người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí dân sự nên bà Đ được miễn án phí đối với phần án phí bà Đ phải chịu.

Nguyên đơn ông Hoàng Minh T là người cao tuổi và đã có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, do đó không phải xử lý tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 1 – Quảng Trị;*
- *TAND tỉnh Quảng Trị;*
- *Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Trị;*
-*Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa